

HỌC TẬP VÀ TIẾP THU CÁC THÀNH TỰU VĂN MINH TRUNG HOA CỦA NHẬT BẢN THỜI CỔ ĐẠI

Japan studied and absorbed the achievements of Chinese civilization in the ancient age

Nguyễn Đức Hòa^{(1)*}, Bùi Thị Hoàng Phúc⁽²⁾

⁽¹⁾Trường Đại học Gia Định

⁽²⁾Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT

Thời cổ đại, Nhật Bản đã thực hiện nhiều các biện pháp, cách thức khác nhau để tiếp thu các thành tựu văn minh khác, đặc biệt là học tập văn minh Trung Hoa thời Tùy-Đường. Sau khi tiếp thu các thành tựu văn minh Trung Hoa, như chữ viết, tư tưởng, thiết chế nhà nước, luật pháp, người Nhật đã hấp thụ, biến đổi, ứng dụng các thành tựu văn minh đó trở thành văn minh mang tính dân tộc Nhật Bản. Tiếp thu văn minh bên ngoài, Nhật Bản vẫn giữ gìn các yếu tố truyền thống. Nhật Bản học tập các thành tựu văn minh Trung Hoa và biến những thành tựu tiếp thu đó tạo nên thành tố phát triển văn minh của đất nước Nhật Bản thời Cổ đại.

Bài viết trình bày Nhật Bản học tập và tiếp thu các thành tựu văn minh Trung Hoa thời cổ đại, cùng kết quả và ảnh hưởng của chúng tới văn minh Nhật Bản.

Từ khóa: Nhật Bản, tiếp thu, học tập, Trung Hoa, thành tựu văn minh

ABSTRACT

During the Ancient period, Japan took various measures and methods to absorb other civilizations' achievements, especially learning from the Chinese civilization of the Sui and Tang dynasties. After absorbing the achievements of Chinese civilization, such as writing, ideology, state institutions, and laws, the Japanese absorbed, transformed, and applied those civilizational achievements to become a civilization with Japanese national characteristics. Absorbing foreign civilizations, Japan still preserved traditional elements. Japan learned from the achievements of Chinese civilization and transformed those acquired achievements into elements of the development of the civilization of Japan in the Ancient period.

Keywords: Japan, absorb, China, civilization achievements

1. Đặt vấn đề

Trong quá khứ, Nhật Bản không ngừng chọn lựa, học tập và tiếp thu các thành tố văn minh từ bên ngoài để xác lập và phát triển nền văn minh dân tộc. Nhật Bản học tập văn minh Trung Hoa thời Tùy-Đường một cách có phương pháp, biến đổi các thành tựu văn

minh Trung Hoa trở thành văn minh của dân tộc Nhật Bản. Người Nhật để lại bài học độc đáo về sự tiếp nhận các thành tựu văn minh bên ngoài, nhưng họ đã tiếp thu một cách có chọn lọc, sáng tạo và chuyển hóa các thành tựu văn minh đó trở thành các yếu tố để xây dựng nền minh dân tộc.

*Tác giả liên hệ: hoakhoasu@gmail.com

2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài báo nghiên cứu này, phương pháp nghiên cứu chủ yếu được áp dụng là phương pháp lịch sử khi trình bày Nhật Bản tiếp thu các thành tựu văn minh Trung Hoa thời Cổ đại (chữ Hán vào thế kỷ IV, Nho giáo thế kỷ V) và Phật giáo qua ngã Triều Tiên vào thế kỷ VI. Áp dụng phương pháp logic nêu lên cách thức Nhật Bản tiếp thu thành tựu văn minh Trung Hoa một cách chủ động và có chọn lọc. Phương pháp phân kỳ lịch sử được áp dụng dựa vào phân kỳ lịch sử Cổ đại Nhật Bản. Liên quan nội dung Nhật Bản tiếp xúc và tiếp thu các thành tố văn minh bên ngoài, đặc biệt là văn minh Trung Hoa trải qua thời kỳ Cổ đại theo phân kỳ lịch sử Nhật Bản.

Thời kỳ Cổ đại với các thời kỳ Kofun (250 – 538) và thời kỳ Asuka (538 – 710). Nhật Bản hình thành một nhà nước sơ khai, được gọi là Yamato. Ảnh hưởng mạnh mẽ từ Trung Quốc và Triều Tiên, bắt đầu tiếp nhận chữ Hán. Phật giáo du nhập vào Nhật Bản qua ngã Triều Tiên, Trung Hoa và trở thành tôn giáo quan trọng. Nhà nước Yamato dần phát triển thành một chính quyền trung ương hóa cùng chế độ quan lại và luật pháp được học hỏi tiếp thu từ Trung Quốc.

Trong các thời kỳ Nara (710 – 794) và Heian (794 – 1185) kinh đô đầu tiên của Nhật Bản được xây dựng tại Nara. Phật giáo phát triển mạnh, nhiều chùa lớn được xây dựng. Nhật Bản bước vào giai đoạn văn minh chữ viết với nhiều tài liệu lịch sử được ghi chép. Luật Ritsuryo xuất hiện. Thiên hoàng có uy quyền lớn. Vào thời kỳ Heian, kinh đô chuyển về Kyoto; Nhật Bản có sự tiếp thu khá toàn diện các thành tựu văn minh Trung Hoa. Thời kỳ Cổ đại đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của văn hóa và văn minh Nhật Bản (*Lịch sử hình thành đất nước Nhật Bản*, 2025).

Phương pháp so sánh lịch sử, phương pháp văn hóa học, phương pháp hệ thống cấu trúc và một số phương pháp tích hợp được các tác giả áp dụng làm nổi bật nội dung nghiên cứu về cách thức tiếp thu, học tập và biến đổi các thành tựu văn minh Trung Hoa và văn minh từ bên ngoài trở thành văn minh mang đặc tính dân tộc Nhật Bản.

3. Kết quả và thảo luận

Mục đích nghiên cứu nhằm đạt được sự trình bày tổng quát cách thức Nhật Bản học tập và áp dụng các thành tựu nổi bật của văn minh Trung Hoa vào lĩnh vực cần thiết của đất nước thời Cổ đại. Để đạt mục đích trên, tác giả nghiên cứu bối cảnh lịch sử, nguyên nhân, điều kiện, cách thức, biện pháp tiếp thu thành tựu văn minh Trung Hoa, cùng các kết quả tạo sự hình thành, phát triển văn minh Nhật Bản thời Cổ đại

3.1. Bối cảnh Nhật Bản tiếp thu các yếu tố văn minh từ Trung Hoa

Tiếp biến văn hóa được hiểu là quá trình giao lưu, tiếp xúc và biến đổi về yếu tố văn hóa như ngôn ngữ, tín ngưỡng, phong tục, nghệ thuật v.v... “là sự tiếp xúc thường xuyên giữa hai xã hội”; dù ít nhiều “giao lưu hay tiếp biến văn hóa là quá trình vay mượn ép buộc” (Đại học KH-XHNV TP.HCM, 2013, tr.179). Còn tiếp biến văn minh được hiểu là quá trình tiếp xúc, tiếp nhận và biến đổi các thành tựu văn minh (thể chế nhà nước, khoa học, kỹ thuật, công nghệ...) giữa hai hay nhiều quốc gia, dân tộc.

Trong tiến trình lịch sử, do sự gần gũi về không gian lịch sử Đông Á, Nhật Bản sớm có tiếp xúc với văn minh bên ngoài, đặc biệt là văn minh Trung Hoa. Vào thời Cổ đại, Trung Hoa có nền văn minh cao hơn so với Nhật Bản. Các thành tố văn minh Trung Hoa đã được truyền bá sang Nhật Bản và người Nhật Bản tiếp nhận các thành tựu của nền

văn minh Trung Hoa là phù hợp với quy luật tiếp xúc và phát triển của các nền văn minh trên thế giới. Vương quốc Yamatai của nữ vương Himico là nhà nước sơ khai xuất hiện vào thế kỷ III, đã có các quan hệ đầu tiên với Triều Tiên và Trung Quốc.

Đến cuối thế kỷ IV trên đảo lớn Hônshū xuất hiện Yamato, nhờ địa thế thuận lợi lại là nơi Thiên hoàng khởi nghiệp, nên quốc gia này thống nhất được nước Nhật. Theo Nguyễn Gia Phú từ thế kỷ IV chữ Hán được truyền vào Nhật Bản, sau đó là Nho giáo (vào thế kỷ V) và tiếp theo đạo Phật (vào thế kỷ VI) cũng đã được truyền bá vào Nhật Bản (Nguyễn Gia Phú và các tác giả, 1998, tr.143-144).

Vào thời Yamatai và Yamato, người Nhật mới chỉ tiếp nhận các thành tựu của nền văn minh Trung Hoa một cách thụ động và gián tiếp qua ngã đường Triều Tiên.

Dần dần, người Nhật đã tiếp thu nhiều hơn các thành tựu chữ viết, Nho giáo và Phật giáo qua cả hai ngã Triều Tiên và Trung Quốc. Vào nửa sau thế kỷ VI, diễn ra cuộc tranh giành quyền lực giữa hai dòng họ quý tộc lớn là Soga và Mononobe. Cuộc đấu tranh giữa hai dòng họ này, về hình thức là do sự bất đồng về vấn đề tiếp thu văn minh Trung Hoa, nhưng về thực chất là cuộc đấu tranh giữa một bên muốn duy trì chế độ nhà nước liên hợp của dòng họ quý tộc (đại diện là Mononobe) và một bên muốn thiết lập nhà nước trung ương tập quyền theo kiểu Trung Hoa mà đại diện là dòng họ Soga. Dòng họ Soga chiến thắng chính là sự thắng thế của xu hướng tiếp thu văn minh Trung Hoa để xây dựng nhà nước trung ương tập quyền ở Nhật Bản.

Vào thời kỳ Asura, văn minh thời Tùy (隋) và tiếp theo là văn minh thời Đường (唐) của Trung Hoa đã đạt tới sự phát triển

rực rỡ không chỉ trong khu vực Đông Á, mà còn với cả phương Đông. Nền văn minh Tùy-Đường có ảnh hưởng lan tỏa sâu rộng sang các nước xung quanh, đã thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi cho người Nhật tiếp thu và phát triển văn minh với dân tộc Nhật Bản. Thái tử Sôtôcu (Shōtoku Taishi-聖徳太子) trong vai trò Nhiếp chính cho Thiên hoàng Suiko (推古天皇/ すいこてんのう Suiko-tennō), đã thực hiện nhiều biện pháp tích cực và chủ động tiếp nhận một cách trực tiếp các thành tựu của văn minh Trung Hoa. Thái tử Sôtôcu ra sức củng cố chế độ trung ương tập quyền, bằng cách đề xướng Phật giáo, tiếp thu tư tưởng Nho giáo Trung Hoa. Dựa vào luận thuyết chính trị của Thái tử Sôtôcu, Thiên hoàng Côtôcu còn gọi Thiên hoàng Hiếu Đức (孝徳天皇- こうとくてんのう Kōtoku-Tennō) đã tiến hành cuộc cải cách toàn diện. Lịch sử gọi đó là Cải cách Taica (645-649): xác lập chế độ trung ương tập quyền theo hình mẫu nhà nước phong kiến *Triều Tùy* (隋, 581-618) và *Triều Đường* (唐, 618 - 907).

Thời Cổ đại, trước hết, người Nhật Bản đã học tập, tiếp thu các thành tựu văn minh Trung Hoa như chữ viết, Nho giáo, cùng với tiếp thu Phật giáo (nguồn gốc từ Ấn Độ) qua ngã Triều Tiên vào Nhật Bản tạo ra bước phát triển vừa nhanh chóng, vừa bền vững của văn minh dân tộc Nhật Bản. Khi quan hệ của Nhật Bản với Trung Quốc, Triều Tiên không ngừng được mở rộng, Nhật Bản tiếp thu các thành tố văn minh bên ngoài, đặc biệt là văn minh Trung Hoa một cách có ý thức rõ rệt vào thời kỳ Asura (593 - 710), sau đó là thời kỳ Nara (710-794). Đặc biệt từ thời Heian (794-1192) những điều học hỏi từ nền văn minh Trung Hoa đã được người Nhật chuyển hóa trở thành đặc trưng văn minh dân tộc, bắt đầu quá trình "Nhật

Bản hóa" các thành tựu văn minh Trung Hoa, biến thành các thành tố văn minh dân tộc Nhật Bản.

3.2. Nhật Bản tiếp thu các thành tựu văn minh Trung Hoa để hình thành, phát triển văn minh dân tộc thời Cổ đại

Khi bàn về sự tiếp thu các thành tựu văn minh bên ngoài để hình thành nên chữ viết, hệ tư tưởng, tổ chức nhà nước, người ta cho rằng hiếm có dân tộc nào nhạy bén bằng người Nhật Bản. Người Nhật không ngừng theo dõi, đánh giá và cân nhắc ảnh hưởng của những trào lưu và tác động bên ngoài đối với họ. Khi họ biết trào lưu nào đang thắng thế thì họ có khuynh hướng chấp nhận, học hỏi, nghiên cứu để bắt kịp trào lưu đó, không để mất thời cơ (Vĩnh Sinh, 1991, tr.20). Trước hết, người Nhật tiếp thu chữ Hán, cải biến thành ngôn ngữ dân tộc Nhật Bản, tiếp thu cả Nho giáo và Phật giáo để hình thành tư tưởng, cách thức quản lý xã hội, hình thành nền tảng văn minh Nhật Bản.

Tiếp nhận chữ Hán và Nho giáo Trung Hoa

Từ thế kỷ thứ IV, chữ Hán được truyền vào Nhật Bản, được cải biến thành tiếng Nhật. Tiếng Nhật được viết trong sự phối hợp ba kiểu chữ: Hán tự hay *Kanji* và hai kiểu chữ đơn âm mềm *Hiragana* và đơn âm cứng *Katakana*. *Kanji* dùng để viết các từ Hán vay mượn của Trung Quốc hoặc các từ người Nhật dùng chữ Hán để biểu đạt ý nghĩa. *Hiragana* dùng để ghi các từ gốc Nhật và các thành tố ngữ pháp như trợ động từ, tính từ v.v. Còn *Katakana* dùng để phiên âm từ vựng nước ngoài và từ vựng của một số nước khác dùng chữ Hán¹. Đến đầu thế kỷ IX, người Nhật đã có *Kana* (hệ thống chữ

chỉ âm), văn tự riêng của dân tộc Nhật Bản. Trong một thời gian ngắn, hệ thống chữ chỉ âm Kana được sử dụng thay thế cho chữ Kanji tượng hình, sau đó cả Kana và Kanji được sử dụng chung trong một hệ thống ngôn ngữ.

Nhật Bản tiếp thu chữ Hán để hình thành chữ viết dân tộc, phát triển nền văn học và giúp Nhật Bản có phương tiện giao tiếp và tiếp thu văn minh Trung Hoa thuận lợi hơn.

Nho giáo du nhập từ Trung Quốc vào Nhật Bản qua con đường Triều Tiên gần đồng thời với đạo Phật (diễn ra suốt thế kỷ thứ V đến thế kỷ VI). Cũng giống như cách tiếp nhận đạo Phật, người Nhật tiếp thu Nho giáo một cách có chọn lọc, phù hợp với điều kiện đặc thù của đất nước. Nhật Bản rất cần tiếp thu Nho giáo Trung Hoa, vì đây là nhân tố giúp xây dựng thể chế nhà nước mạnh (một tiêu chí quan trọng xác lập nền văn minh).

Sau khi tiếp thu Nho giáo, giáo dục Nhật Bản từ thời Nara (710-794) chịu nhiều ảnh hưởng của Nho giáo Trung Hoa. Đại học viện thành lập ở kinh đô Nara (Daigakuryo) và nền giáo dục mang tính chất Nho học chủ yếu dành cho con em quý tộc. Nội dung học tập của học sinh là các kinh sách *Ngũ kinh*, *Tứ thư* của Nho học, sau có học thêm triết học Trung Quốc (Minh đạo pháp), pháp luật (Minh pháp) và số học (Toán đạo).

Người Nhật chọn lựa và biết áp dụng sáng tạo các thành tựu văn minh học được từ Trung Hoa. Ở Trung Hoa, Nho giáo coi trọng *Ngũ thường* (五常)² như là nền tảng đạo đức cơ bản của quân tử (君子) là hình

¹ Tiếng Nhật. Truy xuất từ: http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Nh%E1%BA%ADt. 17/1/2025.

² Ngũ thường (五常) với chữ "ngũ" là năm và chữ

"thường" là hằng có hay là đức tính của con người. Ngũ thường là năm điều phải hằng có trong khi ở đời, gồm: Nhân (仁), Lễ (禮), Nghĩa (義), Trí (智), Tín (信) xuất phát từ Nho giáo của Trung Quốc

mẫu con người lý tưởng theo nhân sinh quan của Nho giáo phù hợp với phương thức cai trị xã hội đức trị (hay nhân trị) của Trung Hoa. Trong khi đó, người Nhật Bản luôn đề cao tuyệt đối *lòng trung thành* (忠実, chūjitsu, seijitsu) vốn không có trong Ngũ thường của Nho giáo Trung Hoa, khuyến khích tinh thần dũng cảm, coi trọng lễ nghĩa và cần kiệm - những phẩm chất tốt đẹp cần phải có của những người lao động - tầng lớp dưới trong xã hội Nhật Bản.

Tuy chịu ảnh hưởng Nho giáo từ Trung Hoa, nhưng chế độ khoa cử Nhật Bản lại không đặt ra mục đích tuyển chọn quan lại cho bộ máy nhà nước (như triều đình phong kiến Trung Quốc), mà các chức vụ cao cấp ở triều đình Nhật Bản đều do quý tộc nắm giữ. Cách quản trị của người Nhật sau này đồng thời chịu ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo và tinh thần võ sĩ đạo (bushido), khác biệt với mô hình quản trị của các nước trên thế giới.

Tiếp nhận và phát triển Phật giáo ở Nhật Bản

Trước khi Phật giáo vào Nhật Bản, Shinto (神道) còn gọi là Thần đạo, là tôn giáo bản địa của người Nhật. Thần đạo sớm ra đời và phát triển ở Nhật Bản, đã ăn sâu vào tâm linh cũng như văn hóa truyền thống Nhật Bản. Phật giáo vốn ra đời từ Ấn Độ và Phật giáo Bắc tông Đại thừa (大乘, mahāyāna) được truyền vào Nhật Bản qua con đường Triều Tiên và Trung Quốc vào thế kỷ VI. Trong khi các dòng họ quý tộc khác ở Nhật Bản phản đối việc chấp nhận Phật giáo, vì sợ vai trò của họ gắn với Thần đạo suy yếu, nhưng dòng họ quý tộc Soga có thể lực lại ủng hộ tiếp nhận Phật giáo. Cùng với sự thắng thế về chính trị của Soga, Phật giáo được xác lập và phát triển ở Nhật Bản.

Thái tử Sôtôcư (572-622) giữ vai trò nhiếp chính cho nữ Thiên hoàng Suiko vào năm 593, ông chính là người đã góp công lớn làm biến đổi đất nước Nhật Bản về phương diện văn minh. Do nhận thức được Phật giáo chứa đựng nhiều tri thức về thế giới, phù hợp với tâm tính của người Nhật, nên Thái tử Sôtôcư đại diện cho thế lực chính trị đứng đầu triều đình đã tích cực ủng hộ, cổ vũ việc tiếp thu Phật giáo, để xây dựng nền Phật giáo Nhật Bản. Do được triều đình Nhật Bản xem là một quyền lực thiêng liêng bảo vệ xứ sở, Phật giáo trở thành thế lực quan trọng trong thời kỳ Nara. Sự việc Phật giáo bước vào triều đình dường như giúp Nhật Bản mở rộng cửa hơn để đón nhận những luồng gió văn minh từ Trung Hoa. Nara trở thành trung văn hóa lớn và đồng thời là trung tâm Phật giáo quan trọng có vai trò liên kết các chùa địa phương với các ngôi chùa vĩ đại như Hôryuji (Pháp Long tự) và Tôđaiji (Đông Đại tự).

Dưới thời nhiếp chính của Thái tử Sôtôcư, Phật giáo phát triển mạnh mẽ ở Nhật. Shotoku là người rất am hiểu Phật học. *Sankyô Gisho* (Tam kinh nghĩa sớ) của ông là tác phẩm đầu tiên ở Nhật Bản đề cập đến Phật giáo. Thái tử Sôtôcư cho xây dựng nhiều ngôi chùa, trong đó có ngôi chùa *Pháp Long tự* (Horyuji Gakumonji) rất nổi tiếng.

Việc tiếp thu và phát triển Phật giáo có vai trò quan trọng trong việc hình thành văn minh dân tộc Nhật Bản. Phật giáo là yếu tố văn minh tinh thần mà Nhật Bản cần thiết đón nhận từ Trung Quốc. Giáo hội Phật giáo có tổ chức tôn ti và có tính chất tập trung, là một thứ khuôn mẫu thích hợp đối với việc xây dựng nhà nước phong kiến Nhật Bản. Từ khi du nhập vào Nhật Bản, Phật giáo và Thần đạo cùng liên kết trong một đường lối chung được gọi là *Thần Phật tập hợp* (Shinbutsu shugo). Phật giáo cùng tồn tại và

phát triển song song với Thần đạo góp phần ổn định tình hình xã hội, góp phần hình thành hệ tư tưởng đất nước Nhật Bản.

3.3. Nhật Bản tiếp thu các thành tựu văn minh Trung Hoa để xây dựng thiết chế Nhà nước thời Cổ đại

Vào thời kỳ Yamatai và Yamato, người Nhật chỉ tiếp nhận văn minh Trung Hoa một cách thụ động và gián tiếp chủ yếu qua ngả Triều Tiên. Nhưng Nhật Bản đã học tập thành tựu văn minh Trung Hoa một cách thức chủ động và trực tiếp hơn vào thời kỳ Asura (552 - 710) và Nara (710-794). Vào các thời kỳ này người Nhật bắt đầu có khảo sát, phân tích, quyết định tiếp nhận các thành tựu văn minh Trung Hoa có lợi nhất cho xác lập và phát triển văn minh dân tộc trên phương diện tổ chức nhà nước và luật pháp Nhật Bản.

Các biện pháp học tập văn minh Trung Hoa của Nhật Bản vào thời kỳ này: chủ động học tập tổ chức chính trị và luật pháp theo mẫu hình Trung Hoa và cử lưu học sinh trực tiếp sang Trung Quốc học tập. Suốt thời kỳ Heian (794-1192), người Nhật tiếp thu trực tiếp, chủ động hơn để chọn lọc các thành tựu văn minh Trung Hoa mà họ cần nhất và còn tiến tới “Nhật Bản hóa” các thành tựu văn minh đó để trở thành văn minh dân tộc Nhật Bản

Học tập tổ chức nhà nước và luật pháp theo hình mẫu văn minh Trung Hoa

Sự hình thành nhà nước và hệ thống luật pháp quản lý xã hội là một trong những tiêu chí quan trọng để xác lập các nền văn minh nói chung, cũng như văn minh Nhật Bản nói riêng. Từ thế kỷ III TCN, Trung Quốc đã thiết lập được chế độ trung ương tập quyền thì đến thế kỷ VI, Nhật Bản vẫn chỉ tồn tại nhà nước liên hợp. Mặc dầu ngay từ thời Yamato, ở Nhật Bản đã xuất hiện triều đình, tuy vậy, thế lực của triều đình chưa mang

tính tập quyền, Thiên hoàng vẫn bị các dòng họ quý tộc địa phương lấn lướt. Vào thời kỳ Tuỳ - Đường, Trung Hoa là một trong những nền văn minh phát triển cao ở phương Đông, có tác động, ảnh hưởng lớn đến sự hình thành luật pháp và thiết chế nhà nước phong kiến của nhiều nước, trong đó có Nhật Bản. So với Trung Quốc, tổ chức nhà nước và luật lệnh của Nhật Bản vẫn còn tỏ ra sơ sài. Vì vậy, nhiệm vụ của người Nhật là phải học tập thể chế chính trị, hệ thống luật lệnh của Trung Quốc, từng bước xác lập và xây dựng nhà nước trung ương tập quyền Nhật Bản theo kiểu văn minh Trung Hoa.

Bộ phận quý tộc quan trọng trong triều đình Nhật Bản từ thời Asura và Nara (552-794) đã nhận thức được rằng: so với Trung Quốc, Nhật Bản còn rất lạc hậu, vì vậy họ cho rằng Nhật Bản phải xây dựng thể chế nhà nước mạnh, cùng với cách quản lý xã hội chặt chẽ hơn bằng luật pháp. Trong thời kỳ này, Nhật Bản nhận thức cần phải chủ động và trực tiếp học tập các thành tựu tổ chức nhà nước theo hình mẫu văn minh Trung Hoa. Góp công lớn trong việc thúc đẩy Nhật Bản học tập văn minh Trung Hoa là Thái tử Sôtôcur giữ vai trò nhiếp chính cho Thiên hoàng Suiko. Ông là một nhà chính trị, nhà cải cách, nhân vật Phật giáo lừng danh trong lịch sử Nhật Bản và đã góp công lớn trong việc học tập văn minh Trung Hoa.

Thái tử Sôtôcur đã cho thi hành nhiều biện pháp thúc đẩy học tập văn minh Trung Hoa và củng cố chế độ trung ương tập quyền. Ngoài việc đề xướng tiếp nhận Phật giáo vốn có nguồn gốc từ Ấn Độ, Sôtôcur còn ra sức tiếp thu tư tưởng chính trị Nho gia của Trung Hoa. Năm 603, Thái tử Sôtôcur bãi bỏ chế độ “tập tước” (chế độ cho phép con kế thừa chức vụ của cha) vốn đang tồn tại ở Nhật Bản lúc đó và ông chủ trương lựa chọn nhân tài ra làm quan. Thái tử Shotoku đã đồng

thời đặt ra “*Mười hai bậc quan vị*” (12 cấp quan lại) nhằm định rõ địa vị của 12 bậc quan chánh-thứ trong Triều đình, lấy mẫu mã để phân biệt thứ bậc. Điều này không những xác định vị trí, địa vị của quan lại trong Triều mà còn xác nhận trách nhiệm của quan lại đối với Thiên Hoàng.

Vào năm 604, Thái tử đã ban bố “*Đạo luật 17 điều*” (Mười bảy điều hiến pháp) thực chất là các mệnh lệnh có tính pháp lý, giáo lý trị nước cho quan lại Nhật Bản và đề cao tư tưởng trung với vua (Nguyễn Gia Phú và các tác giả, 1998, tr.303). Đây là văn bản pháp lý đầu tiên trong lịch sử Nhật Bản quy định về đạo đức và trách nhiệm của quan lại. Những biện pháp này thể hiện sự tiếp thu, học hỏi từ văn minh chính trị Trung Quốc để nhanh chóng xây dựng chế độ trung ương tập quyền ở Nhật Bản.

Dựa vào luận thuyết của Sôtôcur, Thiên hoàng Côtôcur đã tiến hành cuộc cải cách Taika (645-649). Cải cách Taika là quá trình triều đình Nhật Bản học tập, tiếp thu tri thức văn minh Trung Hoa mạnh mẽ, hướng tới xây dựng văn minh tiến bộ mới cho Nhật Bản. Các biện pháp cải cách Taika nhằm tới mục đích xác lập hệ thống quyền lực chính trị từ Triều đình trung ương (Thiên hoàng và Đại hội đồng nhà nước) đến các địa phương (đạo, xứ, quận, làng, thôn), thực thi hộ tịch, chế độ ban điền và chế độ tô thuế mới (Tô, Dung, Điều -租, 庸, 調) học theo kiểu nhà Đường, Trung Quốc.

Thể chế chính trị và tổ chức nhà nước phong kiến Nhật Bản mô phỏng theo Trung Quốc, nhưng về hình thức có thay đổi phù hợp thực tiễn xã hội Nhật Bản. Mặc dầu học theo chế độ chính trị nhà Đường ở Trung Hoa, nhưng thể chế chính trị của triều đình mới lấy Thiên Hoàng làm trung tâm, xây dựng nhà nước phong kiến trung ương tập quyền theo kiểu Nhật Bản (Namio Egami,

1982). Ở Triều đình Nhật Bản, ngoài Thiên Hoàng, còn có Đại hội đồng nhà nước, trong đó Thái chính Đại thần (Tajo Daijin) đóng vai trò như Tể tướng, là người đứng đầu hệ thống quan lại, giúp việc cho Thái chính Đại thần có Sadaijin (Tả đại thần) và Udaijin (Hữu đại thần) (Nguyễn Tiến Lực, 2016). Đứng đầu nhà nước là Thiên hoàng có quyền lực cao nhất, Triều đình có tới 8 bộ chuyên biệt: Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Binh, Bộ Hình, Bộ Công, Bộ Quốc khố, Bộ Cung vua. Nét khác biệt là Nhật Bản không tổ chức 6 bộ như Triều đình Trung Quốc.

. Cấu trúc nhà nước tập quyền Nhật Bản được hình thành sau cải cách Taika, sau đó pháp lý hóa dựa trên bộ luật *Taihoritsurei* (Đại Bảo Luật lệnh) được Thiên Hoàng cho ban hành vào năm 701. Văn minh Nhật Bản giai đoạn phát triển rực rỡ bước vào thời đại Nara. Đánh dấu bước phát triển mới đó là việc Triều đình dời kinh đô từ Asuka đến Nara. Trong thời kỳ này, việc Nhật Bản cho xây dựng kinh đô Heijo-kyo còn gọi là Nara là một trong những biểu hiện rõ nhất về ảnh hưởng kiến trúc Trung Hoa

Kinh đô Heijo-kyo được xây dựng theo lệnh nữ Thiên hoàng Genmei học tập theo kiến trúc kinh đô Trường An của nhà Đường ở Trung Quốc, với những con đường ngang dọc theo hướng đông-tây và bắc - nam trông như ô bàn cờ, với cung điện, những ngôi chùa rất đẹp. Đây là một kinh đô tráng lệ “có thành có thị” và có “vẻ đẹp rực rỡ lộng lẫy” về được ca ngợi trong văn học Nhật Bản (Ikeda On, 1992, tr.179-192).

Thời đại Nara còn đánh dấu sự phát triển rực rỡ có tính chất khai phóng của văn hóa Nhật Bản. Biểu tượng của thời đại là thủ đô Nara được xây dựng với sự tham gia của các kiến trúc sư Trung Quốc, mô phỏng theo kiểu mẫu của kinh đô Trường An của nhà Đường (Lê Văn Quang, 1996, tr.22). Triều

đình Nhật Bản thời Nara nhận biết văn minh Trung Hoa thời Tuỳ - Đường là nền văn minh phát triển rất cao ở phương Đông lúc bấy giờ, cho nên họ tìm mọi biện pháp chủ động tiếp thu các thành tựu văn minh đó.

Suốt thời Cổ đại, Nhật Bản không bị Trung Quốc xâm chiếm, cũng không chịu sắc phong của triều đình Trung Quốc, nên nước này có quan hệ chính trị tương đối bình đẳng với Trung Quốc, điều đó cho phép người Nhật chủ động tiếp thu các thành tố văn minh Trung Hoa một cách thuận lợi hơn so với các quốc gia khác. Kinh đô Heijo-kyo được xây dựng ở Nara (năm 710), cũng là mốc đánh dấu sự đóng đô ổn định và người Nhật đã tiến được những bước dài trong sự kiến tạo văn minh của dân tộc Nhật Bản (Lương Duy Thứ, 2000, tr.241).

Nhật Bản chủ động tiếp thu yếu tố văn minh Trung Hoa thời Nara, nhưng không hủy hoại văn minh bản địa, mà trái lại còn giúp Nhật Bản tạo dựng được những thành tựu văn minh độc đáo (Viện nghiên cứu Menard, 2020). Trên cơ sở có được từ thời Heian, văn học, thơ ca và nghệ thuật Nhật Bản đạt tới sự phát triển rực rỡ. Kể từ năm 794, sau khi dời kinh đô từ Nara về Heian (nghĩa là Bình An), đất nước Nhật Bản bước vào thời kỳ phát triển rực rỡ hơn trong thời trung đại. Nền kinh tế, chế độ chính trị và văn minh Nhật Bản đều đạt đến trình độ phát triển mới. Điều đó có được nhờ vào sức mạnh truyền thống của dân tộc và nỗ lực thành công của người Nhật trong công cuộc "Nhật Bản hoá" những thành tựu văn minh học được từ Trung Hoa.

Bước vào thời kỳ Heian (794-1192), văn minh Nhật Bản đã phát triển trong một tinh thần độc lập và tự tin. Kể từ khi sứ bộ cuối cùng của Nhật Bản tới Trung Quốc vào năm 838, cho tới khi Nhà Đường sụp đổ vào

năm 907, người Nhật không còn chuyển đi sứ nào nữa. Có thể nói sau một thời kỳ tiếp thu ồ ạt văn minh bên ngoài, tiêu biểu là văn minh Trung Hoa, quan hệ Nhật Bản và Trung Quốc tạm đình chỉ (Mai Ngọc Chừ, 2008, tr.655). Vào năm 894, học giả nổi tiếng Michizanê được triều đình cử đi sứ sang Trung Quốc, nhưng ông này từ chối thực thi sứ mệnh. Hành động của Michizanê mang đầy ý nghĩa: đã đến lúc lưu học sinh Nhật Bản không cần du học Trung Quốc nữa. Đã đến lúc Nhật Bản phải rẽ bước, đi con đường của mình một cách tự lập (Lương Duy Thứ, 2000, tr.254). Vì vậy, bắt đầu quá trình "thoát Trung Quốc" trong tiến trình xây dựng và phát triển văn minh Nhật Bản. Các nhà nghiên cứu gọi văn hoá Heian là văn hoá "quốc phong" hay còn gọi là phong cách của Nhật Bản (Nguyễn Tiến Lực, 2016).

Từ thời Heian, những điều học hỏi từ nền văn minh Trung Hoa đã được chuyển hóa trở thành đặc trưng văn minh dân tộc Nhật Bản, bắt đầu quá trình "phát triển tự thân, tìm ra lối đi riêng" trong việc xác lập văn minh Nhật Bản. Đây chính là thời kỳ Nhật Bản đã biến những việc tiếp thu những thành tựu mọi mặt của nền văn minh cao hơn (Trung Hoa) để nhanh chóng phát triển nền văn minh của dân tộc và dần dần xây dựng nền văn minh mang đặc trưng Nhật Bản.

Các kết quả văn minh Nhật Bản có được, cũng còn nhờ vào chính sách Triều đình gửi sứ đoàn, kèm tặng lễ, lưu học sinh trực tiếp sang học tập văn minh Trung Hoa

Chủ động cử lưu học trực tiếp sang học tập các thành tựu văn minh Trung Hoa

Chính quyền Thiên Hoàng cho rằng chủ trương và biện pháp gửi các nhà sư, lưu học sinh sang Trung Quốc tu tập và quan sát học

hỏi, mới có khả năng giúp Nhật Bản tiếp thu được văn minh Trung Hoa một cách trực tiếp và sâu sắc nhất. Lịch sử cho thấy, chính những người này sau khi về nước đã có đóng góp rất quan trọng vào sự xây dựng và phát triển văn minh Nhật Bản.

Vào năm 600, Thái tử Sôtôcur đã cử đoàn đi sứ sang Trung Quốc với mục đích khôi phục quan hệ ngoại giao bị gián đoạn với nhà Tùy, đồng thời tìm hiểu và học tập văn minh Trung Hoa. Đi theo Sứ đoàn Nhật Bản có nhiều nhà sư và lưu học sinh sang tu đạo, học tập văn minh Trung Hoa. Trong lần đi sứ sang nhà Tùy vào năm 607, Chánh sứ Ono Imoko mang Quốc thư của Thái tử Sôtôcur (聖徳太子 Shōtoku Taishi) thay mặt cho Triều đình Nhật Bản gửi Tùy Dạng Đế, có đoạn viết: “Thái tử xứ Mặt trời mọc trình thư lên Thiên tử xứ Mặt trời lặn” (Hiizuru tokoro no taishi, sho wo hibotsusuru tokoro no taishi ni itasu). Được biết Phật giáo quý quốc đang hồi hưng thịnh, tể quốc gửi sứ sang triều bái và đưa theo mấy chục sa môn để học thêm giáo lý cao thâm của Phật pháp. Chúc sức khỏe”. Mặc dù hoàng đế Tùy không hài lòng với cách xưng hô trong thư, nhưng năm sau (năm 608), Tùy Dạng Đế gửi sứ giả sang Nhật Bản và đã được Thái tử Sôtôcur đón tiếp long trọng (Đăng Đức An. Phạm Hồng Việt, 1978, tr.190).

Nhìn lại lịch sử, cuối thế kỷ V, việc xưng đế hiệu là Thiên hoàng (天皇) chưa có ở Nhật Bản, trong khi ở Trung Quốc, vua được gọi là Thiên tử (天子), nghĩa là "Người con của trời", được dùng để gọi những vị vua trong hệ thống văn minh Trung Hoa. Sang thế kỷ VI, nhận thấy vua Trung Quốc được gọi là Thiên tử và Triều Tiên cũng đã xưng vương, nên để đối lại, vua Nhật Bản lấy danh hiệu là Thiên hoàng (天皇).

Triều đình Nhật Bản không dùng tước vị Thiên tử, trong Quốc thư năm 607, Sôtôcur dùng tước hiệu Thái tử (聖徳太子 Shōtoku Taishi) thay mặt Thiên hoàng (天皇) gửi cho Thiên tử nhà Tùy. Lần đầu tiên triều đình Nhật Bản dùng tước hiệu mới bắt nguồn từ tiếng Hán là Tennō (てんのう, Tennō) tức là Thiên hoàng (天皇) để tự xưng khi giao thiệp với Trung Quốc. Điều đó chứng tỏ Thiên hoàng Nhật Bản tự coi ngang hàng với các vị vua Trung Quốc, mong muốn thiết lập quan hệ bình đẳng với Trung Quốc.

Các nhà sư và lưu học sinh Nhật Bản được Triều đình cho phép sang Trung Quốc với mục đích học hỏi trực tiếp văn minh Trung Hoa. Kể từ đó, Nhật Bản đã liên tục gửi các sứ đoàn, có đông đảo lưu học sinh đi theo sang Trung Quốc học tập và họ còn ở lại đó nhiều năm, để nghiên cứu Phật giáo, học tập các thành tựu văn minh Trung Hoa.

Từ thời kỳ Nara cho đến thời kỳ Heian (794-1192) các nhân tố văn minh Trung Hoa ảnh hưởng to lớn và đóng vai trò quan trọng đối với sự xây dựng và phát triển văn minh Nhật Bản. Đó là những ảnh hưởng của chính trị, giáo dục, đặc biệt là pháp lý, các học thuyết chính trị của Trung Hoa (tiêu biểu là Nho học).

4. Kết luận

Trong tiến trình lịch sử mối liên hệ, tiếp xúc và học tập các thành tựu giữa các nền văn minh, trong đó có văn minh Trung Hoa và văn minh Nhật Bản phù hợp quy luật. Nhìn lại tiến trình lịch sử Cổ đại, người Nhật đã du nhập những thành tựu văn minh tiên tiến của Trung Hoa từ bên ngoài, trong bối cảnh Nhật Bản may mắn không bị Trung Quốc xâm lược và không bị ước ngoài đô hộ. Nhật Bản không chịu sắc phong của các Hoàng đế Trung Hoa hay bị cưỡng bức tiếp

nhận văn minh Trung Hoa. Điều này cho phép Nhật Bản thiết lập mối quan hệ tương đối bình đẳng với Trung Hoa, tạo cho Nhật Bản có sự chủ động nhất định trong việc lựa chọn học tập, tiếp nhận các thành tựu văn minh Trung Hoa một cách thích hợp nhất để phát triển đất nước. Cải cách Taika (645-649) chính là sự tiếp thu toàn diện các thành tựu văn minh Trung Hoa từ chế độ chính trị, luật lệnh đến chế độ kinh tế áp dụng vào Nhật Bản thời Cổ đại.

Người Nhật Bản đã tiếp nhận Phật giáo vốn có nguồn gốc từ Ấn Độ (truyền vào Nhật Bản qua ngã Triều Tiên và Trung Quốc) và tiếp thu Nho giáo Trung Hoa theo cách riêng của họ, cải biến nó thành những triết lý sống phù hợp với đặc thù của đất nước và tạo động lực cho con người Nhật Bản đóng góp cho đất nước bằng tư tưởng và hành động của họ. Học tập, tiếp thu và biến đổi Nho giáo Trung Hoa cho phù hợp với đất nước, người Nhật đề cao tinh thần

cần cù, hoạt động sáng tạo, đóng góp xây dựng văn minh Nhật Bản.

Khi tiếp xúc và học tập văn minh Tùy-Đường của Trung Hoa cao hơn, người Nhật dành thời gian, công sức để phân tích, lựa chọn, biên soạn lại những thành tố đã được du nhập, làm sao cho với phù hợp với hoàn cảnh, phong tục tập quán của dân tộc Nhật Bản, tách dần khỏi ảnh hưởng Trung Hoa, xây dựng nền văn minh riêng độc lập.

Vào thời Cổ đại, mặc dầu người Nhật tích cực tiếp thu văn minh Trung Hoa, nhưng chính những yếu tố văn hóa truyền thống bền vững của dân tộc Nhật Bản mới thực sự góp phần tạo nên sức mạnh và sự sáng tạo, phát triển văn minh đất nước. Điều đó đã giúp người Nhật không chỉ chủ động học tập, tiếp nhận, mà còn chuyển hóa những thành tựu văn minh Trung Hoa thành các yếu tố để xây dựng nền văn minh dân tộc Nhật Bản phát triển ngang tầm văn minh nhân loại, mà vẫn giữ gìn đặc tính dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM. (2013). *Nhân học đại cương*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.
2. Đặng Đức An. Phạm Hồng Việt. (1978). *Lịch sử thế giới Trung đại*. Quyển 1. Hà Nội: Nxb GD.
3. Lê Văn Quang. (1996). *Lịch sử Nhật Bản*. TP.HCM: Nxb TP.HCM.
4. *Lịch sử hình thành đất nước Nhật Bản*. <https://osc.edu.vn/lich-su-hinh-thanh-dat-nuoc-nhat-ban/>. Truy cập 14/8/2025.
5. Lương Duy Thứ. Chủ biên. (2000). *Đại cương văn hoá phương Đông*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
6. Mai Ngọc Chừ. Chủ biên. Đỗ Thu Hà. Hồ Hoàng Hoa. Nguyễn Thị Thanh Hoa. Ngô Tuyết Lan. (2008). *Giới thiệu văn hoá Phương Đông*. Hà Nội: Nxb Hà Nội.
7. Namio, Egami. (1982). *Nhật Bản và Trung Quốc (Nihon to Chugoku)*. Tokyo: Shogakukan.

8. Nihon-shi Kenkyukai. (1984). *Lịch sử Nhật Bản (Nihon Rekishi)*. Tokyo: Tokyo Daigaku Shuppankai.
9. Nguyễn Tiên Lục. (2016). *Về cách thức tiếp nhận văn minh bên ngoài của Nhật Bản*. <https://nghienquulichsu.com/2016/05/27/ve-cach-thuc-tiep-nhan-van-minh-ben-ngoai-cua-nhat-ban/>. Truy cập 12/12/2024.
10. Nguyễn Gia Phú. Nguyễn Văn Ánh. Đỗ Đình Hằng. Trần Văn La (1998). *Lịch sử thế giới Trung đại*, Hà Nội: Nxb Giáo Dục.
11. Ikeda On. (1992). *Nhà Đường và Nhật Bản (To to Chugoku)*. Tokyo: Yoshikawa Kobunkan.
12. *Tiếng Nhật*. Truy xuất từ: http://vi.wikipedia.org/wiki/Tiếng_Nhật. 17/1/2025.
13. Vĩnh Sinh. (1991). *Nhật Bản Cận đại*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 27/8/2025

Ngày chấp nhận đăng: 06/10/2025